TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST Ngày 18 tháng 9 năm 2024 V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung sau ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ và ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 ngày 6 ngày 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị P, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn X, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản A, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn X kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn vào ngày 21/11/2014 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng phát sinh những bất đồng mà không tìm được tiếng nói chung để giải quyết, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến

tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được nên quyết định sống ly thân từ tháng 03/2022 đến nay. Trước đó, chị đã từng về nhà ngoại sống nhưng được gia đình hòa giải nên quay về chung sống nhưng không hạnh phúc. Sau thời gian ly thân, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị quyết định xin ly hôn với anh X.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Duy B, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Tòng Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/2015. Hiện tại, hai chúa đang ở cùng với anh X. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Ngân đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị xác nhận anh chị không có nợ chung tài sản chung và vợ chồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về con chung, chị cho rằng hiện tại đang đi làm xa nên đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng định kỳ một tháng 2.000.000VNĐ cho 02 cháu. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân xác nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Tòng Văn X trình bày:

Về tình cảm, anh X xác định anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống hôn nhân, anh chị có những mâu thuẫn nhỏ. Năm 2022, anh và chị P xảy ra cãi vã do chị P có quan hệ tình cảm với người khác nên mâu thuẫn trầm trọng hơn. Sau khi được hòa giải, anh đã đón chị P về nhưng chị P không vun vén cho gia đình, vợ chồng bất đồng nên chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Chiềng Ngần sinh sống. Sau đó, chị P đi làm công nhân ở xa, không biết làm ở đâu. Trong thời gian ly thân, anh cũng không liên hệ được với chị P. Nay chị P có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí, mong muốn với chồng cùng nhau chăm sóc các con.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Duy B, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Tòng Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/2015. Hiện tại, hai cháu đang ở cùng với anh. Hai cháu bị tan máu bẩm sinh, hàng tháng phải điều trị và được nhận trợ cấp hàng tháng nhưng chị P không gửi về nuôi dưỡng con trong thời gian ly thân. Trường hợp chị P cương quyết ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và đề nghị chị P cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000VNĐ, hai cháu là 2.000.000VNĐ.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh X và chị P tại Ban quản lý bản Nà Hạ 1 và đại diện gia đình. Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến

về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn X. Về con chung: Giao cháu Tòng Duy B, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Tòng Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Tòng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của anh X, buộc chị P cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh X mỗi tháng 1.000.000VNĐ/cháu, hai cháu là 2.000.000VNĐ. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Tòng Văn X có nơi cư trú tại Bản Nà Hạ 1, xã C, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn X kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/20214, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, chị P cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng không giải quyết được bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã và cuộc sống không hạnh phúc. Anh X xác nhận anh chị có những mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn do chị P có tình cảm với người khác. Anh chị đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình và địa phương thể hiện, vợ chồng chị P và anh X có mâu thuẫn từ năm 2022. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tình cảm. Sau khi gia đình hòa giải, vợ chồng đã quay lại chung sống một thời gian nhưng sau đó chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh X không muốn ly hôn nhưng anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, anh X cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị P cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh X đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn X.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh X có 02 con chung là cháu Tòng Duy B, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Tòng Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/2015. Qua xác minh tại Ban quản lý Bản và gia đình thể hiện trong thời gian ly thân, hai con chung do anh X chăm sóc giáo dục. Anh X cung cấp sổ trợ cấp xã hội cho 02 cháu về bệnh tan máu bẩm sinh. Qua ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, hai cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P xác nhận đang đi làm xa, hiện hai cháu đang ở cùng anh X có cuộc sống ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P, anh X và ý kiến của các con chung, giao hai con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh X: Anh X đề nghị chị P cấp dưỡng 1.000.000VNĐ/cháu, hai cháu là 2.000.000VNĐ cho hai cháu một tháng. Chị P cũng nhất trí với đề nghị này. Hiện tại, hai cháu đang được điều trị tan máu bẩm sinh theo chỉ định của bác sỹ nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi của anh X, buộc chị P cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh X mỗi tháng 1.000.000VNĐ/cháu, hai cháu là 2.000.000VNĐ. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực đến khi các cháu trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh X đều xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn, vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Tòng Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Duy B, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Tòng Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Tòng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Về cấp dưỡng, buộc chị Lò Thị Phương cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng anh Tòng Văn X mỗi tháng 1.000.000VNĐ/cháu, hai cháu là 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án có hiệu lực đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002007 ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ban án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh